

ĐỀ CHÍNH THỨC

(Đề gồm có 03 trang)

MÃ ĐỀ 701

I. Trắc nghiệm nhiều lựa chọn (3 điểm)

Câu 1. Lãnh thổ của Liên bang Nga

- A. có diện tích rộng nhất thế giới.
C. giáp Ấn Độ Dương.

- B. nằm hoàn toàn ở châu Âu.
D. liền kề với Đại Tây Dương.

Câu 2. Phần lớn lãnh thổ Liên bang Nga thuộc vành đai khí hậu

- A. cận cực. B. ôn đới. C. cận nhiệt. D. nhiệt đới.

Câu 3. Lúa mì được phân bố nhiều ở vùng trung tâm đất đen và phía nam đồng bằng Tây Xi -bia của LB Nga chủ yếu do

- A. đất đai màu mỡ, khí hậu . B. đất đai màu mỡ, sinh vật phong phú.
C. đất đai màu mỡ, nguồn nước dồi dào. D. khí hậu ẩm, nguồn nước dồi dào.

Câu 4. Giao thông vận tải đường sông của Liên bang Nga phát triển hạn chế mặc dù có nhiều tiềm năng là do

- A. hệ thống cảng sông còn hạn chế. B. tàu thuyền chưa đáp ứng được yêu cầu.
C. điều kiện khí hậu khắc nghiệt. D. chưa được đầu tư phát triển.

Câu 5. Đảo có diện tích lớn nhất Nhật Bản là

- A. Hô-cai-đô. B. Hôn-su. C. Xi-cô-cư. D. Kiu-xiu.

Câu 6. Đặc điểm khí hậu phía nam của Nhật Bản là

- A. mùa đông kéo dài, lạnh. B. mùa hạ nóng, mưa to và bão.
C. có nhiều tuyết về mùa đông. D. nhiệt độ thấp và ít mưa.

Câu 7. Đặc điểm nổi bật của dân cư Nhật Bản là

- A. dân số không đông. B. tập trung ở miền núi.
C. tốc độ gia tăng cao. D. cơ cấu dân số già.

Câu 8. Các kiểu khí hậu chủ yếu ở miền Đông Trung Quốc là

- A. cận nhiệt đới gió mùa, ôn đới gió mùa. B. ôn đới gió mùa, nhiệt đới gió mùa.
C. nhiệt đới gió mùa, cận xích đạo. D. cận xích đạo, cận nhiệt đới gió mùa.

Câu 9. Đặc điểm tự nhiên của miền Đông Trung Quốc là có

- A. các dãy núi cao, sơn nguyên đồ sộ xen lẫn các bồn địa.
B. các đồng bằng châu thổ rộng lớn, đất phù sa màu mỡ.
C. nhiều tài nguyên rừng, nhiều khoáng sản và đồng cỏ.
D. thượng nguồn của các sông lớn theo hướng tây đông.

Câu 10. Phát biểu nào sau đây đúng với cơ cấu dân số thành thị và nông thôn Trung Quốc hiện nay?

- A. Dân thành thị tăng, dân nông thôn giảm. B. Dân nông thôn tăng, dân thành thị giảm.
C. Dân nông thôn tăng, dân thành thị tăng. D. Dân thành thị không tăng, nông thôn giảm.

Câu 11. Việc dân cư tập trung chủ yếu ở miền Đông Trung Quốc đã gây ra khó khăn chủ yếu nhất về

- A. khai thác và sử dụng tài nguyên thiên nhiên. B. việc giải quyết tình trạng thất nghiệp.
C. việc bảo vệ tài nguyên và môi trường. D. phòng chống các thiên tai hàng năm.

Câu 12. Điều kiện thuận lợi nhất để Trung Quốc phát triển mạnh công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng là

- A. nguyên liệu phong phú, dân cư đông đúc. B. dân cư đông đúc, máy móc hiện đại.
C. máy móc hiện đại, nguyên liệu dồi dào. D. nguyên liệu dồi dào, nơi phân bố rộng.

II. Trắc nghiệm đúng/ Sai (2 điểm)

Câu 1. Cho thông tin sau:

Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản chiếm tỉ lệ nhỏ (khoảng chỉ 1%) trong cơ cấu GDP của Nhật Bản. Nông nghiệp sản xuất theo hướng thâm canh với quy mô nhỏ, áp dụng công nghệ tiên tiến cho năng suất cao với chất lượng hàng đầu thế giới. Trồng trọt chiếm hơn 60 % tổng giá trị sản xuất nông nghiệp. Trình độ cơ giới hóa nông nghiệp rất cao. Các sản phẩm chính gồm lúa gạo, lúa mì, rau, cây ăn quả. Nhật Bản chú trọng sản xuất những sản phẩm trồng trọt cao cấp.

- a) Nông nghiệp có vai trò thứ yếu trong nền kinh tế Nhật Bản.
b) Phát triển nông nghiệp ít lợi nhuận nên Nhật Bản không chú trọng phát triển.
c) Trồng trọt có vị trí quan trọng trong cơ cấu nông nghiệp Nhật Bản.
d) Do đất ít, Nhật Bản đẩy mạnh xuất nông nghiệp theo hướng thâm canh với cây trồng chủ lực là cây lúa.

Câu 2. Cho thông tin sau:

Nền công nghiệp Trung Quốc có quy mô lớn, cơ cấu đa dạng với nhiều sản phẩm có sản lượng đứng đầu thế giới. Năm 2020, giá trị sản xuất của ngành công nghiệp và xây dựng đóng góp 37,8% vào GDP của cả nước. Các ngành công nghiệp đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Trung Quốc là sản xuất điện, khai khoáng, sản xuất ô tô, luyện kim, điện tử - tin học ...

- a) Công nghiệp và xây dựng giữ vai trò thứ yếu trong nền kinh tế Trung Quốc.
b) Công nghiệp Trung Quốc có nhiều sản phẩm có sản lượng đứng đầu thế giới là nhờ Trung Quốc khá thành công trong việc thu hút đầu tư nước ngoài, ứng dụng công nghệ cao trong công nghiệp.
c) Các ngành công nghiệp chính của Trung Quốc là công nghiệp khai thác, sản xuất điện, luyện kim, điện tử - tin học...
d) Công nghiệp tạo nhiều việc làm cho người lao động Trung Quốc.

III. Trắc nghiệm trả lời ngắn gọn (2 điểm)

Câu 1. Biết tổng số dân của Nhật Bản năm 2020 là 126,2 triệu người, trong đó số dân thành thị của Nhật Bản năm là 115,8 triệu người. Tính tỉ lệ dân thành thị của Nhật Bản năm 2020 là bao nhiêu % (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của %)

Câu 2. GDP của Nhật Bản năm 2020 là 5040 tỉ USD, dân số của Nhật Bản năm 2020 là 126, 2 triệu người (*Nguồn: WB, 2022*). Tính thu nhập bình quân đầu người của Nhật Bản năm 2020 (làm tròn kết quả đến số thập phân thứ nhất của **ngàn USD/người**).

Câu 3. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ SỐ DÂN CỦA TRUNG QUỐC NĂM 2020

Diện tích (triệu km ²)	Số dân (triệu người)
9,6	1439,3

Trích nguồn: Liên hợp quốc, 2022)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính mật độ dân số của Trung Quốc năm 2020 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của **người/km²**).

Câu 4. Cho bảng số liệu

QUI MÔ GDP THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2000 - 2020

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	1978	2010	2020
GDP	149, 5	6087, 2	14688, 0

Căn cứ vào bảng số liệu trên cho biết GDP của Trung Quốc giai đoạn 1978 – 2020 tăng bao nhiêu lần? (làm tròn đến số hàng đơn vị của **lần**)

Phần IV: Tự luận (3 điểm)

Cho bảng số liệu:

TRỊ GIÁ XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ VÀ DỊCH VỤ CỦA NHẬT BẢN
GIAI ĐOẠN 2000 – 2020.

(Đơn vị: Tỉ USD)

Trị giá Năm	2000	2010	2015	2020
Xuất khẩu	519,9	859,2	775,1	785,4
Nhập khẩu	452,1	782,1	799,7	786,2

(Nguồn: WB, 2022)

Câu 1: Vẽ biểu đồ cột ghép thể hiện trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Nhật Bản giai đoạn 2000 - 2020 (2 điểm).

Câu 2: Nhận xét trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của Nhật Bản giai đoạn 2000 - 2020 (1 điểm).

HẾT